TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 14/2022/QĐST-HNGĐ	*Bá Th□ớc, ngày 17 tháng 02 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 06/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Thu B sinh năm: 1996

Trú tại: Thôn C, xã Hạ T, huyện B, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm: 1991

Trú tại: Thôn C, xã H, huyện B, tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 02 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 02 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trương Thị Thu B và anh Bùi Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*** Về hôn nhân:** Chị Trương Thị Thu B và anh Bùi Văn T thuận tình ly hôn.

*** Về con chung:** Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Thị Thùy D, sinh ngày 07/3/2015. Nay ly hôn giao cho anh Bùi Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên, chị Trương Thị Thu B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Trương Thị Thu B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

*** Về tài sản và công nợ:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Về án phí:** Áp dụng khoản 4 điều 147-BLTTDS năm 2015, khoản 6 Điều 19; Điểm a, khoản 1 Điều 24; Điểm a, khoản 5 Điều 27 nghị quyết 326/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chị B và anh T mỗi bên phải chịu 75.000đ án phí DSST, hai bên thỏa thuận chị B chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị B đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số: AA/2021/0008518 ngày 19/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Thanh Hóa. Chị B được trả lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện B;
- UBND xã H;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Văn Nga